TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** TỈNH ANGIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 251/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 18 – 8 – 2017
"V/v ly hôn giữa chị T và anh T"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ T, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Kim Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Ngân

2. Bà Nguyễn Thị Kim Chi

- ***Thư ký phiên tòa***: Trương Phú Phong – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú T, tỉnh An Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú T*** *tham gia phiên tòa:*

Ông Lê Hữu Đức – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 65/2017/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2017 về tranh chấp xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2017/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Diệu T – Sinh năm 1981 (có mặt)

2. Bị đơn: Anh Trần Phước T – Sinh năm 1977 (có đơn xin vắng mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Thị Đam – Sinh năm 1960 (có đơn xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp T, thị trấn P, huyện Phú T, tỉnh An Giang.

3.2. Chị Nguyễn Thị Kiều O – Sinh năm 1963 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp M, thị trấn P, huyện Phú T, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 13/02/2017 và trong quá trình giải quyết, cũng như tại phiên tòa chị Lê Thị Diệu T trình bày:

- Quan hệ hôn nhân: Năm 1998 chị và chồng là anh Trần Phước T tìm hiểu về tình cảm được 01 tháng và hai bên đồng ý tiến tới hôn nhân, năm 2003 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện P, tỉnh An Giang, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 80 ngày 24/9/2003. Vợ chồng sống bình thường, đến năm 2003 phát sinh mâu thuẫn do anh T thường xuyên uống rượu về nhà vợ chồng cự cãi, anh T có tính gia trưởng không nghe ai, chỉ muốn chị phải theo ý kiến của anh, năm 2004 vợ chồng ly thân khoảng 01 năm đến năm 2005 mẹ ruột chị là bà Nguyễn Thị Đ hàn gắn để lo cho con, vì thương con nên trở lại sống chung, nhưng anh T vẫn không thay đổi, chị và anh T vẫn tiếp tục cự cãi do anh T uống rượu nhiều và tính gia trưởng, năm 2015 chị gửi đơn đến Tòa án xin ly hôn và ly thân từ đó đến nay, năm 2015 Tòa án giải quyết động viên, chị cho anh T cơ hội sửa đổi nên rút đơn, nhưng chị không trở lại sống chung. Bên cạnh đó vào ngày 25/5/2017 Anh T cũng có yêu cầu tòa án cho anh thời hạn 01 tháng để hàn gắn, nhưng hết thời gian này anh cũng không hàn gắn. Nay chị nhận thấy không còn tình cảm yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Thuận.

- Về nuôi con chung: Có 02 con tên Trần Lê Gia K – Sinh ngày 26/4/1999 và Trần Lê Gia N – Sinh ngày 24/3/2002 hiện nay chị đang nuôi 02 con, cháu N chị gởi mẹ ruột là bà Nguyễn Thị Đ nuôi cho học ở cùng địa chỉ với bà Đ, chị yêu cầu tiếp tục nuôi 02 con, đối với cháu N vẫn gửi mẹ ruột nuôi để cháu ổn định việc học, không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

- Về chia tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ phải thu, phải trả: Không có.

* Bị đơn anh Trần Phước T trình bày:

- Quan hệ hôn nhân: Thống nhất với trình bày trên của T là đúng, nhưng cuối năm 2005 phát sinh mâu thuẫn do vợ thường về nhà mẹ vợ, vợ chồng thường xuyên cự cãi, vợ bỏ đi làm công nhân ở huyện Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, không trở về, từ đó vợ chồng ly thân, tháng 6/2006 mẹ vợ (bà Đ) hàn gắn vợ chồng trở lại sống chung, Đến năm 2015 vợ chồng tiếp tục mâu thuẫn, cự cãi do mua bán thua lỗ, T ra ở riêng nhà vợ chồng, còn anh ở nhà cha mẹ vợ, năm 2015 T xin ly hôn, anh có đồng ý ly hôn, nhưng do vợ chồng chưa tự chia tài sản nên T rút đơn, từ năm 2015 đến nay vợ chồng ly thân, không gặp nhau hàn gắn. Nay T xin ly hôn anh không đồng ý ly hôn, vì còn thương vợ con.

- Về nuôi con chung: Có 02 con như T trình bày trên, hiện nay đang sống với vợ, riêng cháu N mẹ vợ là bà Đ đang nuôi, vẫn để cháu N cho bà Đ nuôi, nếu Tòa án cho ly hôn con có nguyện vọng sống với ai thì người đó nuôi, người không nuôi con không cấp dưỡng.

- Về chia tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ phải thu, phải trả: Anh T khai có nợ dì ruột là chị Nguyễn Thị Kiều O 10.000.000đ, đây là nợ riêng của anh và đề nghị Tòa án đưa chị O vào tham gia tố tụng. Ngoài ra, không còn nợ ai và không ai nợ vợ chồng.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Tại văn bản ngày 11/4/2017 bà Nguyễn Thị Đ trình bày: Bà là mẹ ruột của T, vợ chồng T gởi cháu Trần Lê Gia N cho bà nuôi ăn học, Tòa án giao cháu N cho bên nào nuôi bà sẽ giao cho bên đó.

+ Tại văn bản ngày 31/7/2017 chị Nguyễn Thị Kiều O trình bày: Anh T là cháu ruột của chị, đầu năm 2017 Thuận có mượn tiền 10.000.000đ để trị bệnh, hẹn làm có tiền sẽ trả, nay chị không yêu cầu anh T trả, nếu sau này T không trả thì chị sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

Theo chị T trình bày mâu thuẫn vợ chồng có cha mẹ ruột là Ông Lê Phước Q, bà Nguyễn Thị Đ và những người cùng xóm biết, chị đề nghị Tòa án xác minh.

Tòa án tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của chị T và anh T, được cha ruột là ông Q cho biết chị T và anh T mâu thuẫn khoảng 02 năm nay do T uống rượu nhiều, liên tục kéo bạn bè về ăn nhậu nhiều ngày trong nhà, nhà cửa dơ bẩn, không vệ sinh, không lo làm ăn, tài sản trong nhà bán tiêu xài riêng (tủ kiếng, bộ lư, quạt điện, máy lạnh, ….). Vợ chồng chị T và anh T ly thân từ năm 2015 đến nay, đã một lần chị T xin ly hôn, lần này là lần thứ hai, ông thấy anh T không sửa đổi, chị T xin ly hôn là đúng, hôn nhân của chị T và anh T không thể hàn gắn, đề nghị Tòa án cho ly hôn.

Những người lân cận ở cặp vách nhà của anh T, chị T là bà Nguyễn Thị Thanh C, ông Lâm Văn H cho biết họ là người hàng xóm của vợ chồng chị T, anh T, trên 02 năm nay thường xuyên chứng kiến vợ chồng cự cãi, do anh T thường xuyên uống rượu không lo làm ăn, mỗi lần uống rượu là la ó, cự cãi gây mất trật tự địa phương, khuyên can anh T bỏ rượu, lo làm ăn nhưng anh T vẫn không thay đổi, chị T không chịu đựng được nên ra ở riêng từ đó đến nay, đề nghị Tòa án cho ly hôn.

Ngoài ra, Tòa án còn xác minh anh Phạm Xuân V là Thị đội trưởng thị đội thị trấn P, anh V cho biết anh T vào công tác tại thị đội thị trấn P vào ngày 05/5/2016 tham gia vào lực lượng thường trực dân quân tự vệ và chính thức nghỉ việc vào ngày 22/5/2017 do anh T tự ý bỏ việc. Trong quá trình công tác tại thị đội T thường xuyên uống rượu, anh có nhắc nhở khuyên can nhưng không thay đổi, cơ quan cho nghỉ việc từ ngày 22/5/2017 đến nay.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của pháp luật. Về giải quyết vụ án, xét yêu cầu của chị T có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Lê Thị Diệu T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Trần Phước T, Tòa án thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bà Nguyễn Thị Đ và chị Nguyễn Thị Kiều O có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Đam và chị O.

[2] Hôn nhân của chị T và anh T là hợp pháp, vì anh chị có đăng ký kết hôn. Xét tình trạng hôn nhân của anh chị thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng kéo dài nhiều năm, có thời dài ly thân từ năm 2015 đến nay, chị T đã hai lần xin ly hôn, anh T xin Tòa án thời gian hàn gắn nhưng cũng không hàn gắn, chứng cứ của chị T đưa ra là những người làm chứng đều xác định anh T và chị T không thể hàn gắn trở lại sống chung, Anh V là thủ trưởng cơ quan anh T công tác trước đây cũng xác định anh T không sửa đổi việc uống rượu nhiều. Anh T không đồng ý ly hôn, anh cho rằng còn thương vợ con là không hợp lý, vì anh không sửa đổi việc uống rượu nhiều và không lo làm ăn, nên không có cơ sở xem xét. Qua đó cho thấy mâu thuẫn của chị T và anh T trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình yêu cầu xin ly hôn của chị T và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp pháp luật, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T được ly hôn với anh T.

[3] Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con tên Trần Lê Gia K và Trần Lê Gia N hiện nay chị Tâm đang nuôi, cháu N đang ở với bà Đ, bà đồng ý giao cháu N theo quyết định của Tòa án. Chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi hai cháu, không yêu cầu anh T cấp dưỡng, hai cháu đều có nguyện vọng sống với chị Tâm phù hợp với ý kiến anh T là nguyện vọng của con ở với ai người đó nuôi. Căn cứ Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T được tiếp tục nuôi 02 cháu K và N, chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng, nên anh T không phải cấp dưỡng nuôi con, chị T không yêu cầu bà Đ giao cháu N, mà vẫn để cháu N ở với bà Đ, nên không phải buộc bà Đ giao cháu N cho chị T.

[4] Căn cứ khoản 3 Điều 82, Điều 83, 84, 116 Luật Hôn nhân và Gia đình anh T được quyền tới lui thăm nom con chung, không ai được cản trở anh thực hiện quyền này, vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về chia tài sản: Không có, Tòa án không đề cập.

Về nợ phải thu, phải trả: Ghi nhận chị T xác định không có nợ, nhưng anh T có nợ riêng chị O 10.000.000đ và chị O không yêu cầu anh T trả, nên không đề cập, chị O được quyền khởi kiện theo quy định của pháp luật.

[6] Về án phí sơ thẩm, căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội chị Tâm phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, Điều 83, 84, 116 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lê Thị Diệu T và anh Trần Phước T.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao 02 con chung tên Trần Lê Gia K, sinh ngày 26/4/1999 và Trần Lê Gia N, sinh ngày 24/3/2002 cho chị Lê Thị Diệu T trực tiếp nuôi dưỡng, hiện nay chị T đang nuôi cháu Trần Lê Gia K, bà Đ đang nuôi cháu Trần Lê Gia N. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

2.2. Anh Trần Phước T không trực tiếp nuôi con, nhưng có quyền tới lui thăm nom con chung, không ai được cản trở anh thực hiện quyền này.

2.3. Vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về chia tài sản: Không có.

Về nợ phải thu, phải trả: Ghi nhận hai bên xác định không còn nợ, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị Lê Thị Diệu T phải chịu 300.000đ được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo Biên lai thu tiền số 0012853 ngày 02/3/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú T.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Hồ Thị Kim Phương